

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2024/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công
và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ
thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 16

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

*Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của
Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng
thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của
Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và
xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về
lựa chọn nhà thầu;*

*Xét Tờ trình số 134/TTr-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân Thành phố về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về việc phân
cấp quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng
hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số*

51/BC-KTNS ngày 13 tháng 05 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; các Báo cáo giải trình số 169/BC-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2024, số 171/BC-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của UBND Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết và tập trung chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện thống nhất trong các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố theo đúng các quy định pháp luật có liên quan, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả.

Hàng năm, Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố kết quả công tác, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố. Đồng thời, chỉ đạo Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp (nếu có) định kỳ hàng năm về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của cấp mình theo quy định.

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 15 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2018, Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội, gồm: Mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, hủy hoại và các hình thức xử lý tài sản công khác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Việc quản lý sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện theo quy định của cơ quan, người có thẩm quyền.

2. Nghị quyết này quy định về thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc dự toán mua sắm thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội quy định tại Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ (sau đây gọi là việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố gồm:

a) Cơ quan Nhà nước (sau đây gọi là cơ quan);

b) Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp thành phố Hà Nội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi là tổ chức);

c) Đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là đơn vị).

2. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công và quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ phải đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đấu thầu, các quy định pháp luật hiện hành; phù hợp với quy định về phân cấp kinh tế - xã hội, tình hình thực tế và yêu cầu công tác quản lý tài chính, tài sản công của Thành phố.

2. Đảm bảo quy định rõ thẩm quyền, rõ đối tượng, rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Ngoài các nội dung tại Quy định này, các nội dung khác về quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

3. Tài sản công được đầu tư, trang bị và sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG VÀ MUA SẮM HÀNG HÓA, DỊCH VỤ TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công và việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định mua sắm tài sản là nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng các nguồn vốn (bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; nguồn thu từ phí được khấu trừ hoặc để lại theo quy định của pháp luật về phí; nguồn thu hoạt động sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ khác theo quy định của pháp luật tại đơn vị sự nghiệp công lập; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định) quyết định mua sắm các tài sản khác, trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng các nguồn vốn (bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; nguồn thu từ phí được khấu trừ hoặc để lại theo quy định của pháp luật về phí; nguồn thu hoạt động sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ khác theo quy định của pháp luật tại đơn vị sự nghiệp công lập; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định) quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ.

4. Đối với tài sản công và hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục mua sắm tập trung (cấp quốc gia hoặc cấp Thành phố), các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo quy định của Trung ương và Thành phố về mua sắm tập trung.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp Thành phố là đơn vị dự toán cấp I; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định việc thuê tài sản là nhà, đất sử dụng làm trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý từ các nguồn vốn (bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; nguồn thu từ phí được khấu trừ hoặc để lại theo quy định của pháp luật về phí; nguồn thu hoạt động sự nghiệp; quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ khác theo quy định của pháp luật

tại đơn vị sự nghiệp công lập; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định), trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng các nguồn vốn (bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; nguồn thu từ phí được khấu trừ hoặc để lại theo quy định của pháp luật về phí; nguồn thu hoạt động sự nghiệp; quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ khác theo quy định của pháp luật tại đơn vị sự nghiệp công lập; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định) quyết định thuê tài sản khác, trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này và các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định việc thuê tài sản là nhà, đất sử dụng làm trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô và tài sản khác từ các nguồn vốn (bao gồm: nguồn thu hoạt động sự nghiệp; quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ khác theo quy định của pháp luật tại đơn vị sự nghiệp công lập; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định, trừ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước).

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thu hồi tài sản là nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp Thành phố là đơn vị dự toán cấp I; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định thu hồi đối với tài sản công khác, trừ các tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chuyển tài sản là nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển xe ô tô; tài sản công khác, trừ tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp Thành phố là đơn vị dự toán cấp I quyết định điều chuyển tài sản công khác, trừ tài sản công quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định điều chuyển tài sản công khác, trừ tài sản công quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định bán đấu giá tài sản là nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất (Không bao gồm nhà biệt thự thuộc đối tượng áp dụng tại Nghị quyết số 18/2008/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2008 và Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 04 tháng 07 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố); xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

Đối với tài sản là nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố có nguyên giá theo sổ kế toán từ 200 tỷ đồng trở lên (bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất)/1 đơn vị tài sản, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố về chủ trương trước khi quyết định bán đấu giá theo quy định và báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất. Việc xác định giá trị quyền sử dụng đất trong nguyên giá tài sản được thực hiện theo quy định tại Chương XI Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công quyết định bán tài sản công khác, trừ tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này thuộc phạm vi quản lý.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công là xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp Thành phố là đơn vị dự toán cấp I quyết định thanh lý tài sản công là nhà thuộc trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất; tài sản công khác (không bao gồm xe ô tô) có nguyên giá từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định thanh lý tài sản công là nhà thuộc trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất; tài sản công khác (không bao gồm xe ô tô) có nguyên giá từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quản lý, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công quyết định thanh lý tài sản công khác (không bao gồm: nhà thuộc trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này.

5. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thanh lý tài sản công khác (không bao gồm: tài sản là nhà thuộc trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô).

Điều 10. Thẩm quyền tiêu hủy tài sản công

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp Thành phố là đơn vị dự toán cấp I, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định tiêu hủy tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Các tài sản công là tang vật tịch thu do vi phạm hành chính, vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật thì thực hiện công tác tiêu hủy theo các văn bản pháp luật chuyên ngành và các văn bản quy định có liên quan.

Điều 11. Thẩm quyền xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và

tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp Thành phố là đơn vị dự toán cấp I, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản khác, trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC KHÁC

Điều 12. Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định

a) Bán đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Thành phố và thuộc phạm vi quản lý của các quận, huyện, thị xã.

Đối với tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 tỷ đồng trở lên/1 đơn vị tài sản, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố về chủ trương trước khi quyết định bán đấu giá theo quy định và báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

b) Phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác; quyết định thu hồi, điều chuyển, thanh lý, xử lý trong trường hợp bị mất, hủy hoại đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc Thành phố quản lý, hoặc tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc quyền quản lý của từ 02 quận, huyện, thị xã trở lên.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác; quyết định thu hồi, điều chuyển, thanh lý, xử lý trong trường hợp bị mất, hủy hoại đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của quận, huyện, thị xã.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Thẩm quyền xác lập sở hữu toàn dân về tài sản.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

- Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

- Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố, trừ các tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quy định tại các khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP .

- Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

- Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định giải thể theo ủy quyền.

- Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế, trừ di sản không có người thừa kế là bất động sản; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

a) Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản là nhà, đất; xe ô tô và tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định tịch thu, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

- Đối với phương án xử lý tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã

phê duyệt trên cơ sở đề xuất của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Thành phố phê duyệt sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

b) Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan thi hành án chuyển giao cho Sở Tài chính và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tiếp nhận, trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP, bao gồm: Bất động sản, xe ô tô và tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

- Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan thi hành án chuyển giao cho Sở Tài chính, trừ bất động sản, xe ô tô và tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan thi hành án chuyển giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tiếp nhận, trừ bất động sản, xe ô tô và tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

c) Tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, tài sản không có người nhận thừa kế; hàng hóa tồn đọng không thuộc địa bàn hoạt động hải quan.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ và các tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, trừ các tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

- Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp Thành phố là đơn vị dự toán cấp I, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã phê duyệt phương án xử lý tài sản khác, trừ bất động sản vô chủ và các tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP, có giá trị theo giá xác định lại dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, trên cơ sở của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước

Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước được thực hiện như đối với thẩm quyền quyết định xử lý tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10, 11 của Quy định này.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm thực hiện đảm bảo theo quy định về tiêu chuẩn, định mức, điều kiện, phương thức, trình tự thủ tục, quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được quy định quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và pháp luật có liên quan.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố được quy định tại Nghị quyết này.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã triển khai thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định.

c) Tổng hợp tình hình, báo cáo kết quả thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công theo phân cấp.

4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố:

a) Quyết định quản lý, sử dụng tài sản công và việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ theo Quy định này và các quy định hiện hành, chịu trách nhiệm trước Thành phố về quyết định của mình.

b) Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ. Thực hiện quyết định của cấp có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc về quản lý sử dụng, lập và quản lý hồ sơ về tài sản, thực hiện trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng, mua sắm, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy và các hình thức xử lý tài sản công khác theo quy định hiện hành.

d) Xử lý, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý tài chính, các khoản thu, chi có liên quan khi thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy và các hình thức xử lý tài sản công khác theo phân cấp và các quy định hiện hành.

e) Báo cáo kết quả thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công theo phân cấp và thực hiện công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định.

f) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi ban hành quyết định quản lý, sử dụng tài sản công theo phân cấp có trách nhiệm phối hợp và gửi quyết định về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Tài chính.

Điều 16. Xử lý chuyển tiếp

a) Đối với tài sản công đang thực hiện thủ tục trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, thanh lý; hàng hóa, dịch vụ đang trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định mua sắm theo quy định tại Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2018 và Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố mà tại thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành chưa được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định và có thay đổi về cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tại Nghị quyết này, thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản công, hàng hóa, dịch vụ báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tại Nghị quyết này xem xét, quyết định.

b) Đối với tài sản công đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, hủy hoại và các hình thức xử lý tài sản công khác; hàng hóa, dịch vụ đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2018 và Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố thì tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo theo quy định./.